

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập thành phố Việt tri trực thuộc tỉnh Phú thọ.

Địa giới thành phố Việt tri gồm thị xã Việt tri cũ và 4 xã Minh khai, Tân dân, Lâu thượng, Minh phương (trừ xóm Minh phú) của huyện Hạc tri.

Điều 2. — Sát nhập xóm Minh phú của xã Minh phương vào xã Văn phú thuộc huyện Hạc tri.

Điều 3. — Ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Ủy ban hành chính tỉnh Phú thọ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà nội, ngày 4 tháng 6 năm 1962

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 66-CP ngày 5-6-1962 về việc ban hành điều lệ thu thủy lợi phí.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Đề đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác quản lý và khai thác các hệ thống nông giang nhằm phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp:

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Thủy lợi và Điện lực;
Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 2 tháng 5 năm 1962,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành, kèm theo nghị định này, bản điều lệ thu thủy lợi phí ở các hệ thống nông giang.

Điều 2. — Những quy định cũ trái với bản điều lệ này đều bãi bỏ.

Điều 3. — Các ông Bộ trưởng Bộ Thủy lợi và Điện lực, Bộ Tài chính, và các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu, thành, tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà nội, ngày 5 tháng 6 năm 1962

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

ĐIỀU LỆ THU THỦY LỢI PHÍ

CHƯƠNG I

MỤC ĐÍCH VÀ Ý NGHĨA

Điều 1. — Điều lệ này nhằm tăng cường công tác quản lý và khai thác các hệ thống nông giang, làm cho việc đóng góp của nhân dân được công bằng hợp lý, đảm bảo đoàn kết ở nông thôn; đồng thời tạo điều kiện tiến lên quản lý nông giang theo chế

độ hạch toán kinh tế, thúc đẩy việc tiết kiệm nước, hạ giá thành quản lý để phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp.

CHƯƠNG II

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 2. — Tất cả các hệ thống nông giang do Nhà nước đầu tư vốn phục hồi hoặc xây dựng mới, sau khi đã hoạt động bình thường và sản lượng của ruộng đất được tưới hay tiêu nước đã tăng lên, đều do nhân dân, hợp tác xã hoặc nông trường quốc doanh có ruộng đất được hưởng nước chịu phí tổn về quản lý và tu sửa. — Phí tổn này gọi là thủy lợi phí.

Điều 3. — Mức thủy lợi phí sẽ căn cứ vào lợi ích hưởng nước của ruộng đất và tổn phí về quản lý và tu sửa của hệ thống nông giang tùy theo từng loại.

Điều 4. — Nay thi hành chế độ hạch toán kinh tế ở các hệ thống nông giang có thu thủy lợi phí để phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp và giao thông vận tải.

Điều 5. — Đề khuyến khích sản xuất:

— Ruộng đất trồng trọt quá hai vụ trong một năm cũng chỉ thu thủy lợi phí hai vụ chính.

— Ruộng đất phải tạt cao quá 1 thước rưỡi so với mức nước trung bình trong kênh mương nông giang không phải trả thủy lợi phí.

— Ruộng đất trồng hoa màu và cây công nghiệp sẽ trả thủy lợi phí ít hơn ruộng đất gieo cấy lúa.

CHƯƠNG III

BIỂU THU VÀ CÁCH THU

Điều 6. — Căn cứ những nguyên tắc trên đây, nay định biểu thu thủy lợi phí cả năm chung cho mỗiéc-ta ruộng đất gieo cấy lúa hưởng nước tính bằng cân thóc như sau:

Loại nông giang	Cách hưởng nước	Mức thu	
		Tối đa	Tối thiểu
Hệ thống trạm bơm điện	Tưới thẳng	180c	140c
	Phải tạt dưới 1m50	60c	40c
Hệ thống cống đập hoặc hồ chứa nước	Tưới thẳng	140c	90c
	Phải tạt dưới 1m50	50c	30c
Hệ thống nước thủy triều	Tưới thẳng	90c	60c
	Phải tạt dưới 1m50	40c	20c

— Đối với ruộng đất chỉ được hưởng lợi về tiêu nước mà không hưởng lợi về tưới nước chỉ thu bằng 1/2 mức thu của ruộng đất được hưởng về tưới hoặc cả về tưới và tiêu nước.

— Đối với ruộng đất, trồng hoa màu và cây công nghiệp chỉ thu bằng 1/2 mức thu của ruộng đất gieo cấy lúa.

Tel: +84-8-3845684 www.HuuVien.com

Điều 7. — Ủy ban hành chính tỉnh có nông giang sẽ căn cứ vào những nguyên tắc và biểu thu trên đây mà xây dựng biểu thu riêng cho thích hợp với đặc điểm tình hình ruộng đất hưởng nước trong nông giang của tỉnh mình. Ở biểu thu riêng của mỗi hệ thống nông giang, có thể phân thêm loại ruộng đất hưởng nước khác nhau để định mức thu khác nhau cho được công bằng hợp lý, nhưng tránh quá phức tạp gây khó khăn cho việc tính và thu.

Biểu thu riêng của mỗi hệ thống nông giang phải được Bộ Tài chính và Bộ Thủy lợi và Điện lực duyệt trước khi thi hành.

Điều 8. — Thủy lợi phí thu bằng thóc, trường hợp đặc biệt mới thu bằng tiền, mỗi năm thu làm 2 lần, sau khi thu hoạch vụ chiêm và vụ mùa, cùng một lúc với thuế nông nghiệp. Liên bộ Tài chính và Thủy lợi Điện lực sẽ quy định và hướng dẫn cụ thể việc thu thủy lợi phí này.

CHƯƠNG IV

MIỄN, GIẢM THỦY LỢI PHÍ

Điều 9. — Các hệ thống nông giang mới xây dựng, sẽ được miễn thủy lợi phí từ một năm đến hai năm kể từ ngày được khai thác sử dụng. Trong thời gian nói trên khi xét việc tưới hoặc tiêu nước đã ổn định, đảm bảo, tăng sản lượng, thì Ủy ban hành chính tỉnh cùng Bộ Thủy lợi và Điện lực đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định ngày bắt đầu thu.

Điều 10. — Trường hợp do thiên tai (bão, lụt, sâu...) gây nên mất mùa, nơi thu hoạch bị sút kém sẽ được miễn giảm thủy lợi phí theo thể lệ và tỷ lệ miễn giảm thuế nông nghiệp.

Đối với đơn vị hoặc cá nhân có ruộng đất hưởng nước nông giang mà không thực hiện đúng điều lệ quản lý nông giang hoặc không chấp hành nghiêm chỉnh kế hoạch phân phối nước của Ban quản trị nông giang làm cho việc tưới hoặc tiêu nước không được bảo đảm thì dù mùa màng của đơn vị hoặc cá nhân ấy có bị thiệt hại cũng không được miễn giảm mà phải trả đủ thủy lợi phí.

CHƯƠNG V

ĐĂNG KÝ RUỘNG ĐẤT

Điều 11. — Tất cả ruộng đất của tư nhân, hợp tác xã hoặc nông trường quốc doanh hưởng nước nông giang đều do cá nhân hoặc đơn vị quản lý đăng ký, có phân loại ruộng đất hưởng nước để trả thủy lợi phí.

Các Ủy ban hành chính xã và huyện có trách nhiệm lãnh đạo, xét và nhận thực việc đăng ký ruộng đất trong địa phương mình đúng với phân loại hưởng nước theo biểu của Ủy ban hành chính tỉnh đã công bố.

Việc đăng ký ruộng đất hưởng nước cần làm chu đáo lần đầu, sau này mỗi năm chỉ điều chỉnh cho số ruộng đất có thay đổi điều kiện hưởng nước, hoặc đăng ký thêm diện tích hưởng nước mới phát triển của nông giang.

CHƯƠNG VI

NHIỆM VỤ QUẢN TRỊ NÔNG GIANG VÀ CÁ NHÂN HOẶC ĐƠN VỊ CÓ RUỘNG ĐẤT HƯỞNG NƯỚC

Điều 12. — Ban quản trị nông giang có nhiệm vụ:

— Tu bổ những công trình lớn hoặc những công trình đòi hỏi kỹ thuật trong hệ thống như: cống, đập, các kênh lớn v.v...

— Hướng dẫn cá nhân hoặc đơn vị có ruộng đất hưởng nước tự làm và tu bổ các công trình nhỏ dẫn nước vào ruộng dùng kỹ thuật để sử dụng nước hợp lý và đúng kế hoạch tưới.

— Xây dựng kế hoạch tưới và quản lý việc thực hiện kế hoạch sau khi được Hội đồng quản trị nông giang thông qua và Ủy ban hành chính tỉnh duyệt y, nhằm đảm bảo yêu cầu tưới hoặc tiêu nước cho tất cả ruộng đất đã đăng ký trả thủy lợi phí.

— Nghiên cứu và hướng dẫn nâng cao kỹ thuật tưới, kết hợp việc tưới nước với cải tạo chất đất làm cho ruộng đất hưởng nước ngày càng thêm nhiều và đạt sản lượng cao.

— Quản lý tốt kinh phí của xí nghiệp nông giang, phấn đấu hạ giá thành nước.

Điều 13. — Đơn vị hoặc cá nhân có ruộng đất hưởng nước có nhiệm vụ:

— Đăng ký đúng diện tích ruộng đất theo phân loại hưởng nước của biểu thu và trả thủy lợi phí đủ và đúng thời gian.

— Tự làm và tu bổ chu đáo các công trình nhỏ dẫn nước vào ruộng theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của Ban quản trị nông giang.

— Tích cực tham gia việc cải tiến công tác quản lý nông giang: bảo vệ nông giang và phấn đấu tiết kiệm nước.

CHƯƠNG VII

THƯỞNG, PHẠT

Điều 14. — Những đơn vị hoặc cá nhân gương mẫu trong việc thi hành điều lệ này, vận động, tuyên truyền, giải thích người khác thi hành tốt và phê bình, tố giác những người gian lậu trong việc trả thủy lợi phí sẽ được khen thưởng.

Những đơn vị hoặc cá nhân không chịu thi hành nghiêm chỉnh điều lệ này, cố ý gian lậu bao che cho mình hoặc cho người khác sẽ bị thi hành kỷ luật hành chính.

Những người có hành động cố ý phá hoại việc thi hành điều lệ này sẽ bị truy tố trước tòa án.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 15. — Điều lệ này sẽ thi hành đối với tất cả hệ thống nông giang thuộc loại đại thủy nông.

Đối với những hệ thống trung thủy nông, thì Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh, sẽ căn cứ vào

điều lệ này để quy định việc thu thủy lợi phí cho sát với hoàn cảnh địa phương nhằm mục đích tổ chức việc quản lý khai thác, sử dụng tốt hệ thống nông giang, phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp. Các quy định này phải được Bộ Tài chính và Bộ Thủy lợi và Điện lực thống qua trước khi thi hành.

Điều 16. — Các ông Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ Thủy lợi và Điện lực có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể Ủy ban hành chính các khu, thành, tỉnh thi hành điều lệ này.

Ban hành kèm theo nghị định số 66-CP ngày 5-6-1962

T. M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

PHỤ THỦ TƯỚNG

THÔNG TƯ số 60-TTg ngày 1-6-1962 quy định chế độ học nghề.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, công tác đào tạo và bồi dưỡng kỹ thuật cho công nhân là một công tác rất quan trọng. Từ ngày hòa bình lập lại đến nay Chính phủ đã ban hành một số chính sách, chế độ nhằm đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng công nhân kỹ thuật; các Bộ, các ngành, các địa phương đã tích cực tiến hành công tác đào tạo và đạt được một số thành tích đáng kể. Do nhu cầu đào tạo bồi dưỡng công nhân rất lớn, các ngành nghề đang được phát triển rộng rãi, chế độ học nghề đang áp dụng hiện nay có nhiều điểm không còn thích hợp nữa.

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Lao động Thủ tướng Chính phủ ra thông tư này, quy định một số chế độ cần thiết đối với các ngành các địa phương có đào tạo công nhân và đối với người học nghề, nhằm cải tiến công tác đào tạo, xây dựng một lực lượng công nhân mới, có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có khả năng nghề nghiệp, có trình độ văn hóa và sức khỏe tốt để phục vụ đắc lực cho công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội.

I. TIÊU CHUẨN VÀ THẺ LỆ TUYỂN CHỌN NGƯỜI HỌC NGHỀ

1. Tiêu chuẩn:

a) **Tuổi:** Người mới tuyển vào học nghề, tuổi phải từ 17 đến 25. Đối với những nghề ít nặng nhọc có thể tuyển những người từ 16 tuổi. Đối với bộ đội [tình nguyện chuyển ngành và những người đang làm việc tại các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước nếu được chuyển qua học những nghề nặng nhọc đòi hỏi nhiều sức khỏe, thì tuổi tối đa không được quá 30; nếu học những nghề giản đơn không đòi hỏi nhiều sức khỏe thì không hạn chế tuổi.

b) **Sức khỏe:** Người học nghề phải có đủ sức khỏe theo yêu cầu của từng nghề, phải có giấy khám sức khỏe do bác sĩ hoặc y sĩ công chứng nhận.

c) **Văn hóa:** Người được tuyển vào học nghề trong các trường chính quy phải có trình độ văn hóa hết lớp 5. Người được tuyển vào học trong các trường lớp bên cạnh xí nghiệp hoặc kèm cấp trong sản xuất phải có trình độ văn hóa hết cấp I.

Đối với bộ đội tình nguyện chuyển ngành và những người đang làm việc cho các cơ quan xí nghiệp Nhà nước được đi học nghề phải có trình độ văn hóa lớp 4.

Đối với các dân tộc ít người, tùy tình hình cụ thể từng nơi, khi tuyển sinh có thể chậm chước một phần về trình độ văn hóa, nhưng trong quá trình đào tạo phải giúp cho họ nâng cao trình độ văn hóa tới mức cần thiết theo yêu cầu đào tạo.

— Trường hợp đặc biệt, phải có trình độ văn hóa cao hơn quy định trong thông tư này, cơ quan tuyển sinh cần thảo luận với Bộ Lao động trước khi tuyển.

d) **Chính trị:** Người học nghề phải là người có quyền công dân, lý lịch rõ ràng, hạnh kiểm tốt.

2. Thẻ lệ tuyển chọn:

a) Trước khi mở trường lớp đào tạo công nhân, các ngành cần có kế hoạch tuyển sinh trao đổi trước với cơ quan Lao động để thống nhất tiêu chuẩn lựa chọn và thống nhất hướng tuyển sinh.

b) Người xin học nghề phải làm giấy cam đoan theo đúng nội quy của trường lớp học nghề và phục tùng sự điều động của Nhà nước sau khi học xong.

c) Nếu người xin học nghề, không có giấy chứng nhận học lực, hoặc có nhưng không hợp lệ (không do các cơ quan có thẩm quyền cấp) đều phải thi kiểm tra trình độ văn hóa.

II. CHẾ ĐỘ HỌC TẬP

Thời gian học sẽ tùy theo yêu cầu, nội dung chương trình học tập của các loại nghề để quyết định nhằm đào tạo những người học nghề toàn diện về lý thuyết, tay nghề, văn hóa, sức khỏe, đạo đức và thái độ lao động tốt.

Nội dung chương trình, tài liệu và kế hoạch giảng dạy đào tạo do các ngành biên soạn phải được Hội đồng thẩm duyệt chương trình thông qua. Đối với các chương trình, tài liệu nào chưa được Hội đồng thẩm duyệt thông qua, các Bộ, các ngành mở trường lớp phải gửi đến Bộ Lao động góp ý kiến.

III. QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ NGƯỜI HỌC NGHỀ

A. **Mức sinh hoạt phí cho học sinh mới tuyển vào học ở các trường lớp chính quy:**

- Năm thứ nhất, sinh hoạt phí mỗi tháng: 21đ00
- Năm thứ hai, sinh hoạt phí mỗi tháng: 24.00
- Riêng đối với các nghề rèn, đúc thì năm thứ nhất, sinh hoạt phí mỗi tháng 24đ; năm thứ hai, sinh hoạt phí mỗi tháng 27 đồng.